TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 02 - 2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Ngày 03 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2019/TLST-HNGD ngày 12 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp AT, xã BT, huyện LV, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Ông Trần Quang N, sinh năm 1964; HKTT: Số 1 đường HTH, phường ML, thành phố LX, tỉnh AG. Hiện cư trú tại: ấp AT, xã BT, huyện LV, tỉnh ĐT.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 12 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1988 bà Trần Thị Mỹ L và ông Trần Quang N sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông N thường xuyên đánh đập bà L và đã bị Công an xã xử phạt hành chính nhưng ông N vẫn không thay đổi. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông N.

2. Về con chung: Có một con chung tên Trần Việt T sinh ngày 07/12/2000, con hiện nay đang học đại học, đã trưởng thành nên tự con quyết định muốn sống với ai thì sống, do đó không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà ngày hôm nay, bị đơn ông Trần Quang N trình bày*:

Về hôn nhân: Ông N và bà L sống chung với như vợ chồng từ năm 1988, đến năm 1999 có đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường ML, thành phố LX, tỉnh AG nhưng do có khiến nại nên Uỷ ban nhân dân phường không cấp giấy chứng nhận kết hôn. Từ đó cho đến nay ông N và bà L cũng chưa đi đăng ký kết hôn lại để được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình sống chung do bà L thường đi làm từ thiện xa, có khi đi hai ba ngày nhưng không có báo cho ông N một tiếng là đi đâu, mấy giờ về nên ông N không đồng ý do đó vợ chồng mới xảy ra cự cải nhau. Do bực tức nên khi có rượu trong người ông N có đánh vợ nhiều lần và Công an xã có phạt hành chính một lần. Nhưng từ khi vợ làm đơn xin ly hôn ông N đã bỏ uống rượu để tu chí làm ăn và hứa với vợ sẽ sửa đổi tính tình để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông N không đồng ý, muốn vợ chồng đoàn tụ lại với nhau.

- Về con chung: Có một con chung tên Trần Việt T sinh ngày 07/12/2000, đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Mỹ L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quang N, về con chung, tài sản và nợ không yêu cầu Toà án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn" và bị đơn cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Trần Quang N đều thừa nhận ông bà sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1988 trên cơ sở tự nguyện nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình sống chung bà L và ông N đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Theo bà L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N thường xuyên uống rượu rồi đánh đập bà L nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông N. Còn ông N cũng thừa nhận do bà L thường xuyên vắng nhà nhưng không nói với ông N nên khi ông N có rượu trong người do bực tức nên mới đánh bà L nhưng ông N còn

thương bà L và hứa sẽ sửa đổi tính tình để vợ chồng đoàn tụ với nhau nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, việc bà L và ông N sống chung với nhau như vợ chồng và chưa được Uỷ ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng". Do đó, xử không công nhận bà Trần Thị Mỹ L và ông Trần Quang N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Trần Quang N đều thống nhất quá trình sống chung ông bà có 01 con chung tên Trần Việt T sinh ngày 07/12/2000, con hiện nay đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Trần Quang N đều thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Trần Quang N đều thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Trần Quang N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Mỹ L và ông Trần Quang N là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà L đã nộp theo biên lai số BH/2018/ 0009038 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Trong hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án hôm nay các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Nội